



# tesa® 68542

## Thông tin Sản phẩm

Băng keo có lớp nền film trong suốt hai mặt 50µm

### Product Description

tesa® 68542 là băng keo hai mặt trong suốt bao gồm lớp nền PET và keo acrylic cải tiến  
tesa® 68542 có tính năng đặc biệt:

- Độ dày: 50µm
- Độ bám dính cao
- Hiệu suất xử lý rất tốt cho ứng dụng gia công cắt dập
- Khả năng kháng tốt với nhiều điều kiện môi trường

### Đặc trưng

- Thickness: 50µm
- Good handling performance in converting processes
- High resistance to demanding environmental conditions
- High adhesion level

### Ứng dụng

tesa® 68542 được sử dụng trong ứng dụng thông dụng, đặc biệt là trong ngành điện tử.

### Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

### Cấu tạo sản phẩm

- |            |                  |           |            |
|------------|------------------|-----------|------------|
| • Backing  | Film PET         | • Độ dày  | 50 µm      |
| • Loại keo | acrylic cải tiến | • Màu sắc | trong suốt |

### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- |                             |         |                                 |            |
|-----------------------------|---------|---------------------------------|------------|
| • Độ giãn dài tối đứt       | 50 %    | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 23°C | trung bình |
| • Lực kéo căng              | 20 N/cm | • Khả năng chống lão hóa (UV)   | rất tốt    |
| • Chịu nhiệt trong dài hạn  | 100 °C  | • Khả năng chống ẩm             | rất tốt    |
| • Chịu nhiệt trong ngắn hạn | 200 °C  | • Độ dính ban đầu               | tốt        |
| • Kháng chất làm mềm        | rất tốt |                                 |            |



# tesa® 68542

## Thông tin Sản phẩm

### Độ bám dính

• ABS (ban đầu)	5 N/cm	• PET (ban đầu)	5.2 N/cm
• ABS (sau 14 ngày)	6.1 N/cm	• PET (sau 14 ngày)	5.8 N/cm
• nhôm (ban đầu)	5 N/cm	• PP (ban đầu)	2 N/cm
• nhôm (sau 14 ngày)	6 N/cm	• PP (sau 14 ngày)	5.3 N/cm
• PC (ban đầu)	5.3 N/cm	• PVC (ban đầu)	5.2 N/cm
• PC (sau 14 ngày)	6.6 N/cm	• PVC (sau 14 ngày)	7.9 N/cm
• PE (ban đầu)	2 N/cm	• thép (ban đầu)	5 N/cm
• PE (sau 14 ngày)	2.8 N/cm	• thép (sau 14 ngày)	7.2 N/cm

### Thông tin thêm

Các loại lớp lót: PV20 logo nâu/xanh dương giấy (71µm; 82g/m<sup>2</sup>)

### Disclaimer

sản phẩm của tesa@ được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=68542>